

TIẾP CẬN MỘT SỐ LÝ THUYẾT LIÊN NGÀNH TRONG NGHIÊN CỨU QUAN HỆ GIỮA VĂN HÓA VÀ ĐẠO ĐỨC

Triệu Thanh Quang¹

Tóm tắt: Bài viết nhằm làm rõ mối quan hệ giữa văn hóa và đạo đức trong xã hội, thông qua việc tích hợp các tiếp cận lý thuyết từ mô hình chiều cạnh văn hóa của Geert Hofstede, lý thuyết nền tảng đạo đức của Haidt và cộng sự, và lý thuyết vốn văn hóa của Pierre Bourdieu. Phương pháp nghiên cứu chủ yếu là phân tích lý thuyết liên ngành, kết hợp so sánh và diễn giải các mô hình giá trị để luận giải tính động và lịch sử hóa của chuẩn mực đạo đức trong bối cảnh xã hội khác nhau. Kết quả phân tích cho thấy đạo đức không tồn tại như một hệ chuẩn phổ quát bất biến, mà luôn được kiến tạo, duy trì và tái cấu trúc trong tương tác với các giá trị văn hóa nền tảng và điều kiện lịch sử - xã hội đặc thù. Bài viết cũng làm sáng tỏ cách các chiều cạnh văn hóa như cá nhân - tập thể, khoảng cách quyền lực hay định hướng thời gian tương tác với các nền tảng đạo đức bẩm sinh để định hình hành vi đạo đức cụ thể trong từng bối cảnh. Đóng góp mới của bài viết nằm ở việc kết nối ba cách tiếp cận lý thuyết lớn để cung cấp một khuôn khổ liên ngành về mối quan hệ động giữa văn hóa và đạo đức, từ đó đề xuất các hàm ý chính sách trong giáo dục đạo đức, xây dựng chính sách công thích ứng và phát triển con người toàn diện trong xã hội hiện đại đa giá trị.

Từ khóa: Chiều cạnh văn hóa, đạo đức, mối quan hệ văn hóa và đạo đức, nền tảng đạo đức, văn hóa.

Abstract: This article examines the dynamic relationship between culture and morality by integrating three theoretical frameworks: Hofstede's cultural dimensions model, the Moral Foundations Theory developed by Haidt and colleagues, and Pierre Bourdieu's theory of cultural capital. Using an interdisciplinary theoretical analysis approach, the study compares and interprets value models to argue that moral norms are not fixed universal standards but are continually constructed, maintained, and restructured through interactions with cultural values and historical-social conditions. The findings highlight that morality emerges as a culturally specific expression shaped by both innate moral intuitions and socially embedded cultural structures. The article elucidates how cultural dimensions such as individualism collectivism, power distance, and long-term orientation interact with core moral foundations like care, fairness, loyalty, authority, and sanctity to produce diverse moral behaviors across different societies. The novel contribution of this study lies in bridging major theoretical approaches to propose an interdisciplinary framework for

1 Tiến sĩ, Viện Địa lý nhân văn và Phát triển bền vững, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

understanding the dynamic interdependence between culture and morality. Based on these insights, the article outlines policy implications for adaptive moral education, culturally responsive public policymaking, and comprehensive human development in contemporary pluralistic societies.

Keywords: *Cultural dimensions, morality, the relationship between culture and morality, moral foundations, culture.*

Nhận bài: 23/04/2025 Gửi phản biện: 08/05/2025 Duyệt đăng: 20/05/2025

1. Đặt vấn đề

Văn hóa và đạo đức từ lâu đã được coi là những yếu tố nền tảng cấu thành nên đời sống tinh thần của con người và xã hội. UNESCO (1982) khẳng định, văn hóa là tổng thể những đặc điểm tinh thần, vật chất, trí tuệ và cảm xúc đặc trưng cho một xã hội, bao gồm cả hệ thống giá trị, tín ngưỡng và chuẩn mực. Trong khi đó, theo quan điểm đạo đức học truyền thống, đạo đức là hệ thống chuẩn mực xã hội quy định cái đúng - sai, thiện - ác nhằm điều chỉnh hành vi con người trong mối quan hệ với cá nhân và cộng đồng (Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, 2014). Hai yếu tố này vừa độc lập, vừa gắn bó chặt chẽ với nhau, tác động qua lại trong việc định hình nhân cách con người, xây dựng cộng đồng và duy trì trật tự xã hội (Durkheim, 2023).

Trong dòng chảy phát triển của lịch sử nhân loại, mỗi nền văn hóa lại sản sinh những hệ giá trị đạo đức riêng, phản ánh đặc điểm lịch sử, tín ngưỡng, tôn giáo và điều kiện sống của cộng đồng đó. Chẳng hạn, trong văn hóa phương Đông, đặc biệt là khu vực Đông Á, các chuẩn mực đạo đức như “hiếu thảo”, “trung thành”, “khiêm nhường” mang đậm dấu ấn Khổng giáo (He, 2015; Trần Ngọc Thêm, 2009), còn ở phương Tây, hệ thống đạo đức lại chịu ảnh hưởng sâu sắc từ chủ nghĩa cá nhân (Hofstede, 2001). Những khác biệt này tạo nên sự đa dạng trong cách tiếp cận và hành xử đạo đức giữa các nền văn

hóa, đồng thời cũng là nguyên nhân của nhiều xung đột giá trị trong bối cảnh toàn cầu hóa ngày nay.

Tuy nhiên, không thể phủ nhận rằng trong thế giới hiện đại - nơi mà các ranh giới văn hóa ngày càng trở nên mờ nhạt - việc hiểu rõ mối quan hệ giữa văn hóa và đạo đức trở thành vấn đề được bàn luận trở lại và trở nên cấp thiết. Những câu hỏi đặt ra là: Văn hóa thay đổi có kéo theo sự biến đổi của hệ giá trị đạo đức không? Và ngược lại, đạo đức có thể ảnh hưởng đến sự phát triển văn hóa như thế nào?

Xuất phát từ những vấn đề trên, bài viết này hướng đến việc làm rõ mối quan hệ giữa văn hóa và đạo đức, từ đó gợi mở một số hàm ý cho xây dựng chính sách và phát triển con người trong xã hội đương đại. Qua việc khảo sát các lý thuyết nền tảng, phân tích tương quan giữa văn hóa và đạo đức trong bối cảnh lịch sử cũng như hiện đại, bài viết hy vọng đóng góp một góc nhìn học thuật và thực tiễn cho vấn đề có ý nghĩa nền tảng này.

2. Văn hóa và đạo đức từ tiếp cận chuyên ngành đến liên ngành

2.1. Văn hóa

Văn hóa là một khái niệm phong phú, đa tầng và mang tính liên ngành, được định nghĩa và diễn giải khác nhau tùy thuộc vào bối cảnh nghiên cứu và truyền thống học thuật. Theo định nghĩa của UNESCO (1982), văn hóa là “*tổng thể những đặc trưng tinh thần, vật chất, trí tuệ và cảm xúc đặc trưng*

cho một xã hội hay một nhóm xã hội, không chỉ giới hạn ở nghệ thuật và văn học, mà còn bao gồm cả lối sống, các quyền cơ bản của con người, hệ giá trị, tập quán và tín ngưỡng”. Định nghĩa này nhấn mạnh đến tính toàn diện và bao trùm của văn hóa, phản ánh cả khía cạnh biểu hiện (như lễ hội, ngôn ngữ, nghệ thuật) và khía cạnh nền tảng (giá trị, niềm tin, chuẩn mực).

Trong nhân học và xã hội học, văn hóa thường được xem là “*hệ thống ý nghĩa*” mà con người sử dụng để hiểu và định hướng hành vi trong thế giới xã hội. Geertz (2008) cho rằng văn hóa là “*mạng lưới các ý nghĩa*” mà con người tự dệt nên và nhờ đó mà họ diễn giải cuộc sống. Ở góc độ này, văn hóa không chỉ là cái mà con người “*có*” mà còn là cái mà con người “*thực hiện*” trong cuộc sống thường nhật.

Từ góc nhìn cấu trúc xã hội, Bourdieu (1986) tiếp cận văn hóa như một dạng “*vốn*” - gọi là vốn văn hóa - tích lũy thông qua giáo dục, môi trường sống và thực hành xã hội. Vốn văn hóa ảnh hưởng trực tiếp đến vị thế xã hội và khả năng tham gia vào đời sống xã hội của mỗi cá nhân. Cách tiếp cận này đặc biệt hữu ích trong việc phân tích sự phân tầng xã hội và bất bình đẳng trong tiếp cận các giá trị đạo đức và chuẩn mực xã hội.

Tóm lại, văn hóa có thể được hiểu vừa là kết quả của quá trình sáng tạo lịch sử của con người, vừa là nền tảng chi phối hành vi, nhận thức và hệ giá trị của các cá nhân trong xã hội. Với vai trò đó, văn hóa là môi trường sản sinh và nuôi dưỡng các chuẩn mực đạo đức, đồng thời cũng là không gian diễn ra sự tương tác và biến đổi của các giá trị đạo đức theo thời gian và bối cảnh.

2.2. Đạo đức

Đạo đức là một khái niệm trung tâm trong triết học, xã hội học và khoa học hành vi, thể hiện dưới dạng hệ thống các nguyên

tắc và chuẩn mực nhằm điều chỉnh hành vi con người trong mối quan hệ với người khác và cộng đồng. Ở cấp độ mô tả, đạo đức đề cập đến các quy tắc hành xử được đề xuất bởi một cá nhân, nhóm người hay xã hội cụ thể (chẳng hạn như tôn giáo), hoặc được một cá nhân tự nguyện chấp nhận để định hướng hành vi của bản thân. Trong khi đó, đạo đức theo nghĩa chuẩn tắc là tập hợp những nguyên tắc hành vi được đưa ra bởi tất cả những người có lý trí trong những điều kiện phổ quát - tức là có giá trị toàn cầu và áp dụng cho tất cả mọi người (Gert & Gert, 2020).

Mặc dù là một phạm trù trừu tượng và khó đo lường, đạo đức giữ vai trò thiết yếu trong đời sống xã hội. Các xã hội đều cần những nguyên tắc đạo đức được đa số thành viên thừa nhận và tuân thủ như là biểu hiện của các giá trị và chuẩn mực chung, qua đó góp phần duy trì trật tự và ổn định xã hội. Chính vì vậy, đạo đức trở thành đối tượng nghiên cứu liên ngành, từ triết học, nhân học, tâm lý học đến xã hội học.

Triết học tiếp cận đạo đức như một khái niệm mang tính phổ quát, trừu tượng và chuẩn mực, không giới hạn bởi không gian hay thời gian xã hội cụ thể (Gert & Gert, 2020; Maxim, 2014). Theo Mariaye (2006), dù định nghĩa đạo đức có thể thay đổi theo thời gian và theo người diễn giải, nhưng nhìn chung nó thường được hiểu như quan niệm của cá nhân hoặc xã hội về những gì được xem là tốt đẹp nhất.

Xã hội học nghiên cứu đạo đức ở cấp độ xã hội - xem đó là tập hợp các chuẩn mực được cộng đồng chấp nhận và thực hành nhằm đáp ứng các kỳ vọng xã hội (Hitlin & Vaisey, 2013). Trong khi đó, tâm lý học tập trung vào đạo đức cá nhân, đặc biệt là các quá trình hình thành và phát triển hành vi đạo đức ở mỗi con người (Walker, 2002).

Đạo đức cá nhân được biểu hiện thông qua tính cách đạo đức - tức những đặc điểm tương đối ổn định trong hành vi phản ánh sự tuân thủ các nguyên tắc và chuẩn mực đạo đức trong một bối cảnh xã hội nhất định. Theo mô hình “*tứ yếu tố*” về cấu trúc đạo đức, tính cách đạo đức bao gồm bốn thành phần: nhận thức đạo đức, cảm xúc đạo đức, ý chí đạo đức và hành vi đạo đức. Mỗi yếu tố có thể là điểm xuất phát để tiến hành đo lường đạo đức, hoặc có thể được xem xét như một cấu trúc tổng hợp (Liu et al., 2013).

Tóm lại, đạo đức là hệ thống các nguyên tắc và chuẩn mực giúp con người đánh giá hành vi là đúng - sai, thiện - ác. Việc tuân thủ các chuẩn mực đạo đức không chỉ dựa vào pháp luật mà còn được duy trì thông qua dư luận xã hội, truyền thống văn hóa và niềm tin nội tại. Tình trạng đạo đức của một xã hội, vì thế, được phản ánh thông qua mức độ đạo đức của các thành viên trong cộng đồng.

2.3. Các lý thuyết tiếp cận mối quan hệ văn hóa và đạo đức

Để hiểu rõ mối quan hệ giữa văn hóa và đạo đức, cần xem xét các lý thuyết liên ngành đã nỗ lực lý giải sự hình thành, biến đổi và tác động qua lại giữa hai hệ thống giá trị này. Dưới đây là một số tiếp cận lý thuyết tiêu biểu:

a. Thuyết nền tảng đạo đức (Moral Foundations Theory – MFT)

Lý thuyết nền tảng đạo đức (Moral Foundations Theory – MFT) do Jonathan Haidt, Jesse Graham và các cộng sự phát triển nhằm lý giải vì sao con người ở các nền văn hóa khác nhau vẫn chia sẻ những trực giác đạo đức mang tính phổ quát. Dựa trên các nghiên cứu về tiến hóa, tâm lý học xã hội và nhân học văn hóa, lý thuyết này cho rằng con người được trang bị sẵn các hệ thống tâm lý bẩm sinh - gọi là nền tảng đạo đức - làm cơ sở cho các phán đoán đạo đức mang tính trực

giác. Từ đó, mỗi nền văn hóa phát triển riêng những chuẩn mực, giá trị và thể chế đặc thù dựa trên các nền tảng này (Haidt & Graham, 2007; Haidt & Joseph, 2004).

MFT không xác định điều đúng - sai, mà giải thích cách con người hình thành phán đoán đạo đức trong những bối cảnh khác nhau. Lý thuyết xác định năm nền tảng đạo đức phổ quát:

Một là, Quan tâm/Tôn hại (Care/Harm): phản ánh năng lực đồng cảm và bảo vệ người yếu thế, bắt nguồn từ mối quan hệ mẹ - con.

Hai là, Công bằng/Đáp trả (Fairness/Reciprocity): liên quan đến cảm nhận công lý và phản ứng với sự bất công, dựa trên nhu cầu hợp tác. Gần đây, nền tảng này được phân tách thành hai yếu tố: bình đẳng và trả công tương xứng (Atari và cộng sự, 2023).

Ba là, Trung thành/Tính nhóm (Loyalty/Ingroup): nhấn mạnh sự gắn bó và đoàn kết với nhóm xã hội, tạo nên lòng trung thành và tinh thần tập thể.

Bốn là, Tôn trọng/Quyền lực (Authority/Respect): thể hiện sự chấp nhận trật tự thứ bậc và vai trò lãnh đạo chính danh, duy trì ổn định xã hội.

Năm là, Thuần khiết/Thánh thiện (Purity/Sanctity): gắn với cảm xúc đạo đức như ghê tởm, thường liên quan đến chuẩn mực tôn giáo, thúc đẩy lối sống trong sạch và kiểm soát ham muốn.

MFT cung cấp công cụ phân tích đạo đức đa chiều, giúp hiểu sâu hơn về sự khác biệt và xung đột giá trị giữa các cá nhân, nhóm và nền văn hóa.

b. Lý thuyết chiều cạnh văn hóa (Cultural Dimensions Theory) của Hofstede

Lý thuyết chiều cạnh văn hóa do Geert Hofstede và cộng sự phát triển là một công cụ phân tích hệ thống, giúp lý giải sự khác biệt về hành vi, nhận thức và giá trị giữa

các quốc gia. Dựa trên nghiên cứu toàn cầu, Hofstede (2001) đề xuất sáu chiều giá trị văn hóa cơ bản:

Một là, Cá nhân - Tập thể (Individualism vs. Collectivism): phản ánh mức độ cá nhân hành xử độc lập hay gắn bó với nhóm. Xã hội cá nhân đề cao tự chủ và thành công cá nhân; xã hội tập thể coi trọng nghĩa vụ với gia đình, cộng đồng và giữ thể diện.

Hai là, Khoảng cách quyền lực (Power Distance): đo lường mức chấp nhận sự phân tầng quyền lực. Xã hội có khoảng cách cao ủng hộ phục tùng và tôn kính cấp trên; xã hội khoảng cách thấp đề cao đối thoại và bình đẳng.

Ba là, Tránh rủi ro (Uncertainty Avoidance): thể hiện mức độ thoải mái với sự không chắc chắn. Xã hội né tránh rủi ro cao xây dựng nguyên tắc rõ ràng để duy trì trật tự; xã hội né tránh thấp cởi mở với sự linh hoạt, sáng tạo.

Bốn là, Nam tính - Nữ tính (Masculinity vs. Femininity): mô tả việc xã hội ưu tiên giá trị cạnh tranh, thành tích (nam tính) hay quan tâm, hợp tác, chất lượng sống (nữ tính). Các chuẩn mực đạo đức vì vậy cũng khác biệt: danh dự, trách nhiệm ở xã hội nam tính; lòng trắc ẩn, khiêm nhường ở xã hội nữ tính.

Năm là, Định hướng dài hạn - ngắn hạn (Long-term vs. Short-term Orientation): phản ánh quan niệm về thời gian và phần thưởng. Xã hội dài hạn đề cao tiết kiệm, trách nhiệm liên thế hệ; xã hội ngắn hạn chú trọng thể diện, truyền thống và kết quả tức thì.

Sáu là, Kiểm chế - Thỏa mãn (Restraint vs. Indulgence): thể hiện mức độ kiểm soát ham muốn cá nhân. Xã hội “*kiềm chế*” đề cao kỷ luật và tiết chế; xã hội “*thỏa mãn*” coi trọng tự do, hạnh phúc và thể hiện bản thân.

Lý thuyết này là nền tảng hữu ích để phân tích đạo đức và giá trị trong các bối cảnh văn hóa khác nhau.

3. Mối quan hệ giữa văn hóa và đạo đức

Những lý thuyết nghiên cứu cho thấy mối quan hệ giữa văn hóa và đạo đức là mối quan hệ tương tác hai chiều, trong đó văn hóa cung cấp nền tảng để hình thành đạo đức, còn đạo đức lại là biểu hiện cụ thể và sống động của văn hóa trong đời sống xã hội. Phân tích mối quan hệ này cho phép hiểu rõ cách các hệ giá trị được định hình, duy trì và biến đổi trong các cộng đồng người. Theo đó, những mối quan hệ này được thể hiện ở những điểm cụ thể.

3.1. Văn hóa là nền tảng hình thành đạo đức

Văn hóa giữ vai trò như “*bộ khung*” hình thành, duy trì và định hướng các chuẩn mực đạo đức trong mỗi xã hội. Dưới góc nhìn liên ngành, đạo đức không tồn tại như một hệ quy chiếu tuyệt đối, mà luôn được diễn giải và nội tại hóa trong các cấu trúc văn hóa đặc thù (Haidt & Graham, 2007; Hofstede và cộng sự, 2010).

Theo lý thuyết chiều cạnh văn hóa của Hofstede, các giá trị cốt lõi trong từng xã hội như khoảng cách quyền lực, tính cá nhân - tập thể, hay định hướng thời gian có ảnh hưởng sâu sắc đến cách con người đánh giá điều gì là đúng - sai, thiện - ác. Chẳng hạn, trong các xã hội có khoảng cách quyền lực cao, hành vi đạo đức có thể gắn với sự phục tùng và tôn kính cấp trên; ngược lại, trong các xã hội có khoảng cách quyền lực thấp, đạo đức lại được hiểu thông qua các giá trị như bình đẳng và minh bạch. Tương tự, xã hội cá nhân chủ nghĩa thường coi tự chủ, trung thực và trách nhiệm cá nhân là trụ cột đạo đức, trong khi xã hội tập thể đề cao hiếu thảo, trung thành và nghĩa vụ cộng đồng (Hofstede và cộng sự, 2010).

Bổ sung vào đó, lý thuyết nền tảng đạo đức của Haidt và cộng sự đưa ra quan điểm rằng các phán đoán đạo đức xuất phát

từ những hệ thống trực giác bẩm sinh - gọi là các nền tảng đạo đức - vốn đã được lập trình qua tiến hóa để phản ứng với các thách thức xã hội như hợp tác, bảo vệ nhóm hay kiểm soát hành vi. Tuy nhiên, mỗi nền văn hóa sẽ phát triển các biểu tượng, nghi lễ, chuẩn mực và thể chế khác nhau từ cùng một nền tảng đạo đức gốc. Ví dụ, nền tảng Trung thành/Tính nhóm có thể được biểu hiện trong chủ nghĩa yêu nước ở phương Tây, trong khi ở phương Đông là các nghi lễ tôn vinh tổ tiên và đạo hiếu (Haidt & Joseph, 2004).

Sự kết hợp giữa hai lý thuyết trên cho thấy rằng đạo đức không thể được tách rời khỏi môi trường văn hóa mà nó phát triển. Văn hóa cung cấp khuôn khổ cho các nền tảng đạo đức vận hành - tức là, nó không sáng tạo nên đạo đức từ con số không, nhưng đóng vai trò thiết yếu trong việc diễn giải, ưu tiên và tổ chức hệ thống giá trị đạo đức trong đời sống xã hội. Do đó, để hiểu đúng một hành vi đạo đức (hoặc phi đạo đức) trong bất kỳ cộng đồng nào, cần đặt nó vào bối cảnh cấu trúc văn hóa của chính cộng đồng đó.

3.2. Đạo đức là biểu hiện cụ thể của văn hóa trong hành vi xã hội

Xét từ góc độ xã hội học và tâm lý học văn hóa, đạo đức không phải là một hệ quy chiếu siêu văn hóa, mà được thể hiện thông qua các hành vi, chuẩn mực và quan niệm được xã hội chấp nhận và duy trì theo thời gian. Đạo đức vì thế, không tách rời mà chính là một hình thái cụ thể và luôn vận động của văn hóa trong đời sống xã hội.

Theo lý thuyết chiều cạnh văn hóa của Hofstede và cộng sự (2010), các giá trị như công lý, trung thực hay nghĩa vụ được diễn giải khác nhau tùy theo đặc điểm văn hóa của từng cộng đồng. Ví dụ, trong xã hội cá nhân chủ nghĩa, đạo đức gắn với trung thực cá nhân và quyền lựa chọn độc lập; trong khi đó, xã hội tập thể đánh giá đạo đức qua sự hy

sinh vì nhóm và duy trì hòa hợp.

Bổ sung cho cách tiếp cận này, lý thuyết nền tảng đạo đức của Haidt & Graham (2007) cho rằng các phán đoán đạo đức bắt nguồn từ các trực giác bẩm sinh như: Quan tâm, Công bằng, Trung thành, Tôn trọng và Thuần khiết - nhưng được diễn đạt khác nhau theo từng nền văn hóa. Chẳng hạn, nền tảng Tôn trọng/Quyền lực có thể dẫn đến hành vi phục tùng trong xã hội có khoảng cách quyền lực cao, hoặc khuyến khích minh bạch và chất vấn trong xã hội có khoảng cách quyền lực thấp.

Sự kết hợp giữa hai lý thuyết này cho thấy đạo đức vừa mang tính sinh học tiến hóa, vừa chịu sự định hình bởi văn hóa. Những hành vi như giúp đỡ người yếu thế hay giữ lời hứa chỉ trở thành “*đạo đức*” khi được định nghĩa, tổ chức và củng cố trong khuôn khổ giá trị mà văn hóa cộng đồng tạo dựng.

3.3. Tác động qua lại trong quá trình biến đổi xã hội

Mối quan hệ giữa văn hóa và đạo đức không mang tính cố định, mà là một quá trình động, gắn liền với lịch sử, bối cảnh xã hội - chính trị và sự thay đổi giá trị giữa các thế hệ. Theo Hofstede và cộng sự (2010), các chiều giá trị văn hóa như cá nhân chủ nghĩa, khoảng cách quyền lực hay định hướng thời gian đóng vai trò như “*phần mềm tinh thần*” định hướng cách con người lý giải và thực hành đạo đức. Tuy nhiên, các chiều này không bất biến, mà có thể biến đổi qua các quá trình như toàn cầu hóa, chuyển giao thế hệ hay biến cố xã hội lớn như khủng hoảng kinh tế hoặc đại dịch.

Trong khi đó, Haidt & Graham (2007) cho rằng các nền tảng đạo đức như Quan tâm, Công bằng, Trung thành hay Tôn trọng là khuynh hướng phổ quát, nhưng cách ưu tiên và biểu hiện lại tùy thuộc vào văn hóa - chính trị. Ví dụ, nền tảng Tôn trọng/Quyền lực có

thể dẫn đến phục tùng tuyệt đối trong xã hội phong kiến, nhưng ở xã hội dân chủ hiện đại lại thúc đẩy giám sát và minh bạch hóa quyền lực.

Tiếp cận của Bourdieu (1986) mở rộng hiểu biết về văn hóa như một dạng “vốn” -được tích lũy, thể chế hóa và tái sản xuất qua giáo dục, nghệ thuật, phong cách sống. Theo đó, đạo đức không chỉ là nội tâm đạo lý mà còn là thực hành xã hội, gắn với vị thế giai cấp và chiến lược định vị trong trường quyền lực. Những chuẩn mực đạo đức nào được tôn vinh hay bị loại trừ phản ánh cấu trúc phân tầng văn hóa tại từng thời điểm. Vì vậy, đạo đức là sản phẩm của quá trình cạnh tranh biểu tượng và biến đổi không ngừng trong lòng văn hóa.

Từ sự kết hợp ba lý thuyết trên, có thể kết luận rằng đạo đức không tồn tại tách biệt khỏi văn hóa, cũng không cố định theo một chuẩn mực tuyệt đối, mà luôn là kết quả của quá trình tương tác động giữa hệ thống giá trị văn hóa, nền tảng tâm lý đạo đức và cấu trúc xã hội lịch sử. Việc nghiên cứu đạo đức trong xã hội hiện đại, vì vậy, cần được đặt trong mối quan hệ lịch sử - văn hóa cụ thể, tránh xu hướng phổ quát hóa hoặc phi thời gian hóa các khái niệm đạo lý.

4. Kết luận

Những phân tích trong bài viết cho thấy mối quan hệ giữa văn hóa và đạo đức không phải là tuyến tính hay tĩnh tại, mà là một quan hệ động, mang tính lịch sử - xã hội, được cấu thành từ các giá trị văn hóa cốt lõi, trực giác đạo đức bẩm sinh, và cấu trúc xã hội tái sản xuất qua thời gian. Thông qua việc tích hợp ba cách tiếp cận lý thuyết - mô hình chiều cạnh văn hóa của Hofstede, lý thuyết nền tảng đạo đức (MFT) của Haidt và khái niệm vốn văn hóa của Bourdieu, bài viết khẳng định rằng đạo đức là hình thức biểu đạt cụ thể của văn hóa trong hành vi xã hội,

đồng thời là sản phẩm của quá trình tương tác giữa cấu trúc văn hóa, nền tảng tâm lý và vị thế xã hội.

Sự khác biệt trong chuẩn mực đạo đức giữa các cá nhân, nhóm xã hội và quốc gia phản ánh không chỉ sự đa dạng về bối cảnh văn hóa, mà còn là hệ quả của sự biến đổi trong cấu trúc quyền lực, định hướng giá trị và chiến lược phát triển con người. Việc hiểu đạo đức trong mối quan hệ với văn hóa giúp tránh được cách tiếp cận tuyệt đối hóa các chuẩn đạo lý, đồng thời mở ra hướng tiếp cận mềm dẻo, phù hợp với xã hội đa giá trị hiện nay.

Từ những phân tích trên cung cho thấy việc xây dựng các chính sách trong phát triển con người cần một số lưu ý sau: Một là, chính sách giáo dục đạo đức cần được thiết kế có tính đến bối cảnh văn hóa đặc thù của từng nhóm xã hội và từng giai đoạn phát triển, thay vì áp dụng một cách cứng nhắc các chuẩn mực đạo lý trừu tượng và phổ quát; Hai là, chiến lược phát triển con người nên tích hợp yếu tố văn hóa như một trục giá trị xuyên suốt, nhằm hình thành phẩm chất công dân không chỉ dựa trên kiến thức hay kỹ năng, mà còn trên năng lực đạo đức phù hợp với cộng đồng; Ba là, xây dựng chính sách công cần quan tâm đến sự dịch chuyển của các chiều giá trị văn hóa trong xã hội hiện đại (như cá nhân hóa, đa nguyên niềm tin, toàn cầu hóa chuẩn mực), từ đó đưa ra các công cụ điều tiết xã hội linh hoạt, có khả năng đối thoại và bao dung với sự đa dạng đạo đức trong cộng đồng.

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và xã hội chuyển động nhanh chóng, việc hiểu và vận dụng đúng mối quan hệ giữa văn hóa và đạo đức không chỉ có giá trị về mặt học thuật, mà còn là điều kiện nền tảng cho sự phát triển con người một cách toàn diện và bền vững.

1. Atari, M., Haidt, J., Graham, J., Koleva, S., Stevens, S. T., & Dehghani, M (2023), Morality beyond the WEIRD: How the nomological network of morality varies across cultures, *Journal of Personality and Social Psychology*, 125(5), 1157–1188. <https://doi.org/10.1037/pspp0000470>
2. Bourdieu, P (1986), The forms of capital. In *Handbook of Theory and Research for the Sociology of Education*, Greenwood.
3. Durkheim, E (2023), The division of labour in society. In *Social theory Re-wired* (pp. 15–34). Routledge.
4. Geertz, C (2008), Thick description: Toward an interpretive theory of culture. In *The cultural geography reader* (pp. 41–51). Routledge.
5. Gert, B., & Gert, J. (2020), The Definition of Morality. In E. N. Zalta (Ed.), *The Stanford Encyclopedia of Philosophy* (Fall 2020), Metaphysics Research Lab, Stanford University, <https://plato.stanford.edu/archives/fall2020/entries/morality-definition/>
6. Haidt, J (2012), *The righteous mind: Why good people are divided by politics and religion*. Vintage.
7. Haidt, J., & Graham, J (2007), When morality opposes justice: Conservatives have moral intuitions that liberals may not recognize. *Social Justice Research*, 20(1), 98–116.
8. Haidt, J., & Joseph, C (2004), Intuitive Ethics: How Innately Prepared Intuitions Generate Culturally Variable Virtues. *Daedalus*, 133(4), 55–66. JSTOR.
9. He, H (2015), *Social ethics in a changing china: Moral decay or ethical awakening?* Brookings Institution Press.
10. Hitlin, S., & Vaisey, S. (2013), The New Sociology of Morality, *Annual Review of Sociology*, 39(1), 51–68. <https://doi.org/10.1146/annurev-soc-071312-145628>.
11. Học Viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2014), *Giáo trình Đạo đức học*, Nhà xuất bản Lý luận Chính trị, Hà Nội.
12. Hofstede, G. (2001), *Culture's Consequences: Comparing Values, Behaviors, Institutions and Organizations Across Nations*. SAGE Publications.
13. Hofstede, G., Hofstede, G. J., & Minkov, M (2010), *Cultures and organizations: Software of the mind: Intercultural cooperation and its importance for survival*. McGraw-Hill.
14. Liu, H., Chen, X., & Zhang, B (2013), An Approach for the Accurate Measurement of Social Morality Levels. *PLoS ONE*, 8(11), e79852. <https://doi.org/10.1371/journal.pone.0079852>.
15. Mariaye, M. H. S (2006), The role of the school in providing moral education in a multicultural society: The case of mauritius. *University of South Africa*.
16. Maxim, S. T (2014) Ethics: Philosophy or Science? *Procedia - Social and Behavioral Sciences*, 149, 553–557, <https://doi.org/10.1016/j.sbspro.2014.08.209>.
17. Trần Ngọc Thêm (2009), *Tìm về bản sắc văn hóa Việt Nam*, Nhà xuất bản TP. Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh.
18. UNESCO (1982), *Mexico City declaration on cultural policies*, World Conference on Cultural Policies.
19. Walker, L. J (2002), The model and the measure: An appraisal of the Minnesota approach to moral development, *Journal of Moral Education*, 31(3), 353–367. <https://doi.org/10.1080/030572402000008160>.